

Mô đun ngõ ra tương tự CPX-E-4AO-U-I

Số bộ phận: 4080494

FESTO



WH	0	1	RD
WH	2	3	BU

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước B x L x H	18,9 mm x 76,6 mm x 124,3 mm
Kích thước lưới	18.9 mm
Kiểu gắn	với ray DIN
trọng lượng sản phẩm	96 g
Vị trí lắp đặt	dọc ngang
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	-5 - 60 °C để lắp đặt thẳng đứng
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	95 % không cô đặc
Mức độ bảo vệ	IP20
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp	PELV
Chiều dài dây dẫn tối đa	Đầu ra 30 m được che chắn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	PA
Vật liệu vít	Thép mạ, kẽm
Chẩn đoán theo đèn LED	Lỗi mỗi kênh Lỗi mỗi mô-đun

Đặc tính	Giá trị
Chẩn đoán bằng bus	Ngắn mạch/quá tải trong nguồn cung cấp thiết bị truyền động Ngắn mạch/quá tải đầu ra tương tự Lỗi tham số Phạm vi danh nghĩa đã bị vượt quá Không đạt được phạm vi danh nghĩa Nguồn cung cấp tải dưới điện áp lỗi chung
Khối lượng địa chỉ tối đa Đầu ra	8 byte
Số lượng đầu ra	4
Thông số mô-đun	Bỏ kích hoạt nguồn cấp truyền động Định dạng dữ liệu đầu ra analog Chẩn đoán ngắn mạch nguồn cấp truyền động Chẩn đoán lỗi thông số hóa Chẩn đoán điện áp thấp nguồn cung cấp tải Xử lý sau khi ngắn mạch/quá tải trong nguồn cung cấp thiết bị truyền động Hành vi sau ngắn mạch/quá tải đầu ra tương tự
Thông số kênh	Lực kênh x Bật chẩn đoán đứt dây/chạy không Bật chẩn đoán lỗi tham số Bật chẩn đoán quá tải/ngắn mạch Dải tín hiệu mỗi kênh
Nguồn điện, kiểu kết nối	Dải đầu kẹp
Cung cấp điện, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Cung cấp điện áp, số cực / dây	4
Điện áp hoạt động danh định DC của tải	24 V
Phụ tải dao động điện áp cho phép	± 25 %
Điện áp hoạt động định mức DC Điện tử/cảm biến	24 V
Điện áp dao động cho phép điện tử / cảm biến	± 25 %
Nguồn điện, mặt cắt dây dẫn	0.2 mm²...1.5 mm²
Nguồn cung cấp, lưu ý trên mặt cắt dây dẫn	0,2 - 2,5 mm² đối với ruột dẫn mềm không có ống bọc đầu dây
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức điện tử/cảm biến	thường là 60 mA
Công suất tiêu thụ bên trong ở tải điện áp hoạt động danh định	thường là 15 mA
Bắt cầu sự cố điện	10 ms
Chống phân cực	Nguồn cấp cho bộ truyền động 24 V so với nguồn cấp cho cảm biến 0 V Tải 24 V so với tải 0 V Nguồn cấp cho cảm biến 24 V so với nguồn cấp cho cảm biến 0 V
Cổng nối điện đầu ra, chức năng	Đầu ra analog
Cổng nối điện đầu ra, kiểu kết nối	Dải đầu kẹp 4x
Cổng nối điện đầu ra, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Cổng nối điện đầu ra, số chân cắm/dây	4
Đầu ra kết nối điện, mặt cắt dây dẫn	0.2 mm²...1.5 mm²
Cổng nối điện đầu ra, chỉ dẫn về tiết diện dây dẫn	,2 - 2,5 mm² đối với ruột dẫn mềm không có ống bọc đầu dây
Cổng nối điện đầu ra 2, chức năng	Nối đất
Cổng nối điện đầu ra 2, kiểu kết nối	Dải đầu kẹp
Cổng nối điện đầu ra 2, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Cổng nối điện đầu ra 2, số chân cắm/dây	4
Kết nối điện đầu ra 2, mặt cắt dây dẫn	0.2 mm²...1.5 mm²
Kết nối điện đầu ra 2, mặt cắt dây dẫn lưu ý	0,2 - 2,5 mm² đối với dây dẫn linh hoạt không có măng sông
Hành vi sau khi quá tải đầu ra	Không quay lại tự động (mặc định) Có thể tham số hóa (từng mô-đun)
Tổng đầu ra hiện tại tối đa trên mỗi mô-đun	2 A
Kích thước đo	Điện áp
Định dạng dữ liệu	15 bit + dấu thang đo tuyến tính

Đặc tính	Giá trị
Dải tín hiệu	-10 - 10 V -5 - 5 V 0 - 10 V -20 - 20 mA 0 - 20 mA 4 - 20 mA
Độ chính xác lặp lại	±0,5 % ở 25 °C
Giới hạn lỗi cơ bản ở 25 °C	±0,1 %
Giới hạn hoạt động liên quan đến phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh	±,3 %
Cách ly điện kênh - kênh	không
Kênh cách ly điện - Bus nội bộ	có
Cầu chì (Ngắt mạch)	cầu chì điện tử bên trong mỗi mô-đun